TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:26/2026/QĐST-HNGĐ	*Khu vực 4, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2026/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Đức L, sinh năm 1993

HKTT: thôn G, xã B, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số: 001093020051 do Cục trưởng Cục QHLC về TTXH cấp ngày 08/02/2022.

Bị đơn: chị Mai Thị Thanh L1, sinh năm 2001

HKTT: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

CCCD số: 03301002100 do Cục trưởng Cục QHLC về TTXH cấp ngày 25/4/2021.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu Trần Kiến M, sinh ngày 28/01/2023. Cháu M là con của anh L, chị L1. Người giám hộ cho cháu M là anh L, chị L1.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức L và chị Mai Thị Thanh L1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đức L và chị Mai Thị Thanh L1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh L và chị L1 có một con chung là cháu Trần Kiến M, sinh ngày 28/01/2023. Anh L và chị L1 thỏa thuận giao cháu M cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con, anh L và chị L1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; về công nợ; về công sức và ruộng nông nghiệp: anh L và chị L1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Đức L chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000904 ngày 27 tháng 02 năm 2026, anh L đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại anh L số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát Khu vực 4;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Như Quỳnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy